

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 25/03/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	29204659861	Nguyễn Cao Hoài	Ân	09/10/2004	Quảng Nam	32SHT1	5.3	5.5	Đạt	
2	28216606652	Võ Lê Văn Bảo	Ân	28/01/2004	Đà Nẵng	32SHT1	3.3	1.0	Không Đạt	
3	29217257420	Nguyễn Đình	Anh	27/08/2005	Thanh Hóa	31TYC17	7.3	6.3	Đạt	
4	28212705926	Nguyễn Quang Nam	Anh	26/04/2004	Huế	31TYC17	6.7	7.3	Đạt	
5	29206662234	Phạm Lan	Anh	24/02/2005	Đắk Lắk	31TYC17	10.0	10.0	Đạt	
6	29217252597	Trần Nguyễn Tú	Anh	16/11/2005	Nghệ An	31TYC17	8.3	7.3	Đạt	
7	28208023951	Vũ Hoàng Minh	Anh	24/08/2004	Kiên Giang	31CBN11	7.7	4.0	Không Đạt	
8	29214134892	Cao Hữu	Ánh	11/12/2005	Quảng Trị	31TYC17	9.3	9.0	Đạt	
9	29212330758	Lê Chí	Bảo	10/07/2005	Đà Nẵng	31CBN11	9.0	8.3	Đạt	
10	28206144476	Trần Thị Hải	Bình	30/05/2004	Đà Nẵng	32SHT1	6.3	5.5	Đạt	
11	29206754515	Nguyễn Thị Linh	Châu	15/12/1997	Đà Nẵng	32SHT1	7.3	10.0	Đạt	
12	28215153506	Đình Công	Chiến	10/11/2004	Đắk Lắk	31TYC17	3.7	2.3	Không Đạt	
13	29212543324	Hứa Trần Quốc	Cường	25/12/2005	Quảng Nam	31TYC17	6.3	5.3	Đạt	
14	28204562092	Lê Bá Anh	Đào	10/04/2004	Quảng Trị	31CBN11	5.0	5.3	Đạt	
15	29207255381	Đặng Thị Ngọc	Diễm	11/06/2005	Huế	31TYC17	10.0	6.8	Đạt	
16	28212406603	Đoàn Huy	Đoan	19/07/2004	Quảng Ngãi	31CBN11	8.3	6.5	Đạt	
17	28214351719	Nguyễn Trung	Đức	19/09/2004	Gia Lai	32SHT1	5.3	8.5	Đạt	
18	29214620102	Hoàng Đức	Dũng	28/07/2005	Quảng Ngãi	31TYC17	5.3	7.0	Đạt	
19	25213311212	Nguyễn Hoàng Huy	Dương	01/01/2001	Hà Tĩnh	31CBN11	6.3	9.3	Đạt	
20	29207255385	Trần Thị Việt	Hà	16/12/2005	Kon Tum	31TYC17	9.0	9.5	Đạt	
21	29206546093	Phan Nguyễn Hoàng Nh	Hải	07/02/2004	Quảng Trị	32SHT1	5.7	8.0	Đạt	
22	28214403769	Trần Quang	Hải	27/04/2004	Quảng Bình	31CBN11	4.3	3.3	Không Đạt	
23	28216649648	Võ Minh	Hải	15/07/2003	Quảng Nam	32SHT1	6.7	7.3	Đạt	
24	28296653212	Đỗ Thị Minh	Hằng	31/08/2004	Nam Định	31TYC17	7.3	5.0	Đạt	
25	28206522199	Trương Thu	Hào	20/11/2004	Gia Lai	32SHT1	6.3	7.5	Đạt	
26	28206704108	Đặng Thị	Hiền	29/12/2003	Huế	31TYC17	6.7	5.3	Đạt	
27	29212364223	Trương Lê Nhật	Hoàng	09/01/2005	Huế	31CBN11	6.7	9.3	Đạt	
28	28204602266	Đỗ Thị	Hương	15/10/2004	Gia Lai	31TBN14	8.7	6.3	Đạt	
29	29214120522	Văn Tiến	Huy	05/07/2005	Đắk Lắk	31TYC17	7.3	7.3	Đạt	
30	29206665059	Chúc Thị	Huyền	15/02/2005	Thanh Hóa	31TYC17	9.7	7.8	Đạt	
31	29204154889	Lê Thị Thu	Huyền	20/08/2005	Hà Tĩnh	31TYC17	7.7	6.8	Đạt	
32	29204164609	Ngô Thuý	Huyền	07/08/2005	Đà Nẵng	32SHT1	9.7	9.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	26203535430	Phạm Thị Thanh	Huyền	28/01/2002	Quảng Bình	32SHT1	7.3	7.8	Đạt	
34	29212556180	Nguyễn	Khánh	25/06/2005	Phú Yên	31TYC17	10.0	9.0	Đạt	
35	29212534231	Nguyễn Dương Thanh	Lâm	19/12/2005	Quảng Bình	31TYC17	8.3	5.8	Đạt	
36	28212304220	Trần Vũ	Lâm	08/05/2004	Kon Tum	31TYC17	7.3	7.3	Đạt	
37	27211535711	Đình Thanh	Long	09/02/2003	Quảng Ngãi	31CYC10	5.0	5.0	Đạt	
38	29206646188	Lý Thị Kim	Luyến	10/11/2005	Đắk Lắk	31TYC17	9.7	9.3	Đạt	
39	28212351778	Nguyễn Hoài	Nam	24/01/2004	Đắk Lắk	31TYC17	5.0	7.0	Đạt	
40	29206658133	Trương Thị	Nga	25/01/2005	Hà Tĩnh	32SHT1	9.3	7.0	Đạt	
41	28204452651	Nguyễn Bích	Ngân	10/12/2004	Quảng Ngãi	32SHT1	7.7	5.3	Đạt	
42	28202842275	Lê Thị Bảo	Ngọc	16/05/2004	Đà Nẵng	31CBN11	5.7	9.5	Đạt	
43	29204140254	Đặng Thị Thảo	Nguyên	20/01/2003	Đà Nẵng	32SHT1	9.0	9.8	Đạt	
44	30207237653	Đỗ Lê Thảo	Nguyên	28/09/2006	Quảng Nam	31CBN11	9.0	9.5	Đạt	
45	29208426460	Nguyễn Lê Ngọc	Nguyên	19/04/2005	Đà Nẵng	32SHT1	5.7	6.3	Đạt	
46	28208002425	Trương Thị Ánh	Nguyệt	25/07/2004	Đà Nẵng	31CBN11	7.3	5.3	Đạt	
47	29207454735	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	09/01/2005	Đắk Lắk	31TYC17	8.0	7.5	Đạt	
48	28212703152	Hồ Công	Nhật	01/01/2004	Quảng Trị	31CBN11	9.3	9.0	Đạt	
49	28208101360	Đặng Thị	Nhi	28/09/2004	Huế	31CBN11	9.7	7.3	Đạt	
50	28206551122	Lê Uyên	Nhi	16/08/2003	Bình Định	32SHT1	5.7	8.0	Đạt	
51	28208143989	Võ Thị Thùy	Nhi	25/11/2004	Đà Nẵng	31CBN11	7.0	8.0	Đạt	
52	28209247999	Mai Quỳnh	Như	15/01/2004	Quảng Nam	31TYC17	8.7	6.8	Đạt	
53	27211543044	Huỳnh Ngọc Tấn	Phát	18/06/2003	Bình Định	31TBN16	9.0	5.5	Đạt	
54	28212702089	Phạm Nhật	Quân	20/11/2004	Khánh Hòa	31TYC17	9.3	3.8	Không Đạt	
55	29216655098	Huỳnh Đỗ Mạnh	Quốc	02/09/2005	Đà Nẵng	31CBN11	9.0	4.3	Không Đạt	
56	29216659091	Trần Đại	Quý	25/12/2005	Quảng Ngãi	31CBN11	9.0	9.8	Đạt	
57	29206660578	Nguyễn Thục Tú	Quyên	27/12/2005	Đà Nẵng	31CBN11	9.7	6.5	Đạt	
58	29206549556	Đình Ngọc	Quỳnh	19/06/2004	Thái Nguyên	32SHT1	7.7	8.3	Đạt	
59	28209443698	Lê Thị Tuyết	Sang	10/05/2004	Quảng Ngãi	31TYC17	8.3	8.8	Đạt	
60	27211302008	Ngô Văn	Sang	05/10/2003	Quảng Nam	32SHT1	6.0	6.3	Đạt	
61	27212129733	Nguyễn Văn	Sang	08/07/2003	Đà Nẵng	32SHT1	5.0	5.0	Đạt	
62	28212405074	Phạm Trường	Son	28/11/2004	Quảng Nam	31CBN11	7.7	6.8	Đạt	
63	28207404337	Nguyễn Thị Thu	Sương	10/03/2004	Quảng Trị	32SHT1	6.0	8.8	Đạt	
64	28206506193	Lê Trần Phương	Thảo	01/06/2004	Thừa Thiên H	31CBN11	7.7	5.0	Đạt	
65	29206560336	Nguyễn Thu	Thảo	05/05/2005	Bình Định	31TYC17	8.7	5.5	Đạt	
66	28208152326	Nguyễn Thị Thanh	Thu	24/09/2004	Quảng Nam	31CBN11	9.0	6.8	Đạt	
67	28208006949	Lê Thị	Thuận	28/07/2004	Quảng Nam	31CBN11	3.7	5.8	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28204653290	Nguyễn Thị Hoài	Thương	23/02/2004	Quảng Nam	31CBN11	9.7	5.8	Đạt	
69	29204461831	Võ Thị Cẩm	Thương	19/10/2005	Bình Định	32SHT1	5.0	6.5	Đạt	
70	29206255774	Hứa Ngọc Phương	Thy	02/08/2005	Đà Nẵng	31CBN11	7.3	8.3	Đạt	
71	27211732053	Nguyễn Công	Trãi	09/12/2003	Nghệ An	32SHT1	5.3	6.0	Đạt	
72	29204145170	Võ Huyền	Trâm	28/12/2005	Đà Nẵng	32SHT1	9.7	7.3	Đạt	
73	29204649322	Nguyễn Bùi Khánh	Trang	03/01/2005	Quảng Trị	31TYC17	7.7	5.8	Đạt	
74	29204620110	Phan Ngọc Phương	Trinh	08/04/2005	Quảng Ngãi	31TYC17	5.3	7.0	Đạt	
75	28206601823	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30/06/2004	Quảng Nam	31CBN11	9.7	7.5	Đạt	
76	29214535764	Nguyễn Phước	Vinh	05/12/2005	Quảng Nam	31TYC17	10.0	9.3	Đạt	
77	29212554251	Phạm Công	Vinh	13/08/2005	Quảng Bình	31TYC17	V	V	Không Đạt	
78	28212751849	Lê Trung Tấn	Vũ	14/10/2004	Đà Nẵng	31TYC17	6.7	7.5	Đạt	
79	28211146692	Lương Minh	Vũ	07/12/2004	Quảng Nam	32SHT1	9.3	8.0	Đạt	
80	28205105144	Lê Đình Hạ	Vy	24/11/2004	Đà Nẵng	31TYC17	5.7	7.3	Đạt	
81	28204500384	Lê Thị	Vy	27/09/2004	Quảng Nam	31CBN11	8.3	7.0	Đạt	
82	28202805862	Trần Hoàng Nhật	Vy	06/08/2004	Đà Nẵng	31CBN11	6.0	2.5	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh